

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST

Ngày 02/02/2021.

*Về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con".*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Minh Khôi.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mỹ Vinh và ông Hoàng Kim Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Lê Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị; Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 190/2020/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lương Thị D, sinh năm 1990; địa chỉ: Số 06 đường Thái Ph, Khu phố C, Phường A, thành phố ĐH, tỉnh QT - Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Đ, sinh năm 1990; địa chỉ: Số 06 đường Thái Ph, Khu phố C, Phường A, thành phố ĐH, tỉnh QT - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện đề ngày 26/8/2020, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lương Thị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị D với anh Lê Đ cùng nhau đăng ký kết hôn vào ngày 19/8/2011 tại Ủy ban nhân dân Phường 1, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau không được hạnh phúc, không hòa hợp với nhau về cách sống, tính cách. Vợ chồng đã

nhiều lần nói chuyện nhưng vẫn không thể dung hòa được nên cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã, xung đột, lời qua tiếng lại dẫn đến anh Đ không quan tâm, lo lắng, không có trách nhiệm với gia đình. Do đó, vợ chồng đã sống ly, việc ai người đó làm, mỗi bên tự lo cho cuộc sống của mình và hai vợ chồng đã bỏ mặc nhau. Nay Chị D thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Đ.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Thị Ngọc A, sinh ngày 03 tháng 11 năm 2010 và Lê Thảo M, sinh ngày 15 tháng 4 năm 2013. Ly hôn Chị D có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu Ngọc A, Thảo M và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn anh Lê Đ: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần cấp, tổng đạt văn bản tố tụng hợp pháp cho bị đơn anh Lê Đ. Nhưng anh Đ không có văn bản trình bày ý kiến gì đối với nội dung, yêu cầu khởi kiện của Chị D và cũng không đến Tòa án để giải quyết ly hôn.

Phát biểu của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo, thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; khoản 2 Điều 81; khoản 3, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử:

- Cho chị Lương Thị D ly hôn anh Lê Đ.

- Về con chung: Giao cháu Lê Thị Ngọc Anh, sinh ngày 03/11/2010 và Lê Thảo My, sinh ngày 15/4/2013 cho chị Lương Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã cấp tổng đạt văn bản “Thông báo về việc thụ lý vụ án” hợp lệ cho bị đơn. Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Tòa án tiếp tục cấp tổng đạt hợp lệ 2 lần văn bản “Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải” cho các đương sự, nhưng bị đơn anh Lê Đ đều vắng mặt, không có lý do nên Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành phiên hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lương Thị D về việc xin được ly hôn với anh Lê Đ, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị D và anh Lê Đ đã cùng nhau đăng ký kết hôn vào ngày 19/8/2011 tại Ủy ban nhân Phường 1, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị trên cơ sở tự nguyện. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa Chị D với anh Đ là hợp pháp. Tuy nhiên, sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau không được hạnh phúc, thường phát sinh mâu thuẫn. Theo nội dung trình bày của Chị D cũng như kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh Đ sinh sống cho thấy: Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn giữa vợ chồng Chị D, anh Đ là do vợ chồng không hòa hợp nhau về cách sống, tính cách nên anh Đ không quan tâm, không có trách nhiệm với gia đình dẫn đến vợ chồng thường xảy ra xung đột, cãi vã, lời qua tiếng lại, không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng đã sống ly thân. Hiện tại, giữa Chị D và anh Đ không còn sự quan tâm lẫn nhau, việc ai người đó làm, mỗi bên tự lo cho cuộc sống của mình và thực sự đã bỏ mặc nhau.

Đối với anh Đ trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo anh Đ đến hòa giải, nhằm tạo điều kiện cho vợ chồng sửa chữa, khắc phục những mâu thuẫn trong cuộc sống để cùng nhau đoàn tụ, tiếp tục xây dựng cuộc sống hạnh phúc gia đình. Nhưng anh Đ không đến tham gia hòa giải, bỏ mặc trách nhiệm trong quan hệ hôn nhân. Do đó cho thấy, tình trạng hôn nhân giữa vợ chồng Chị D và anh Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị D và cho Chị D được ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Xét yêu cầu khởi kiện của Chị D về việc xin được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Thị Ngọc A, sinh ngày 03/11/2010 và Lê Thảo M, sinh ngày 15/4/2013, xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án Chị D luôn có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu Ngọc A và Thảo M và các cháu đều có nguyện vọng được ở với Chị D, hiện tại Chị D đang là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; còn anh Đ thì không có ý kiến gì. Do đó để đảm bảo ổn định cuộc sống cũng như nguyện vọng và quyền lợi về mọi mặt của các cháu nên cần giao cho Chị D được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ngọc A, và Thảo M.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị Lương Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Lương Thị D ly hôn anh Lê Đ.

- *Về con chung*: Giao các cháu Lê Thị Ngọc A, sinh ngày 03 tháng 11 năm 2010 và Lê Thảo M, sinh ngày 15 tháng 4 năm 2013 cho chị Lương Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Lê Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- *Về án phí*: Chị Lương Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0000762 ngày 13/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Chị Lương Thị D đã nộp đủ án phí dân sự ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND thành phố Đông Hà;
- Chi cục THADS thành phố Đông Hà;
- UBND Phường 1, TP Đông Hà;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, DA.

Tạ Minh Khôi